TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST
Ngày: 07/8/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trúc Việt
2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

-Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn-thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "*tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* bà Lê Thị M, sinh năm 1967 (có mặt)
Ngụ tại: khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn*:* Trương Thị Bích T, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Ngụ tại: ấp D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đặng Thanh H, sinh năm 1963 (chồng bà T) (vắng mặt)
Ngụ tại: 66, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà có tham gia chơi sáu dây hụi do bà T làm chủ hụi ở ấp D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre cụ thể: Hụi 200.000 đồng khui ngày 06/7/2017 âm lịch nhằm ngày 27/8/2017 dương lịch, hụi gồm 1800 phần thành 60 dây, mỗi dây 30 phần, mỗi tháng khui hai lần, bà vô 20 phần, khi bà T vỡ hụi bà đã đóng được 68.900.000 đồng, bà có mua 30 phần dây hụi này số tiền 135.000.000 đồng. bà T nợ bà dây hụi này là 203.000.000 đồng. Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 06/11 năm 2017 âm lịch. Hụi gồm 126 phần, tổ chức thành 6 dây, mỗi dây 21 phần mỗi tháng khui một lần vào ngày mùng

6 hàng tháng. Khi bà T vỡ hụi bà đã đóng được 7 kỳ số tiền 26.000.000 đồng và bà có mua 01 phần hụi 5.000.000 đồng ở dây hụi này số tiền 73.500.000 đồng. Bà T còn nợ bà dây hụi này là 99.500.000 đồng. Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 15 tháng 10 năm 2016 âm lịch, một dây 21 phần, mỗi tháng khui một lần, bà vô một phần, ngày vỡ hụi bà đã đóng được 20 kỳ số tiền là 20.000.000 đồngvà bà có mua 05 phần dây hụi này 102.000.000 đồng. Bà T còn nợ bà dây hụi này là 122.000.000 đồng. Hụi 2.000.000 đồng khui ngày mùng 01 tháng 9 âm lịch 2017.Hụi gồm 294 phần, tổ chức thành 14 dây , mỗi dây 21 phần, mỗi tháng khui một lần, bà vô hai phần, khi vỡ hụi bà đóng được 09 kỳ số tiền 29.700.000 đồng. Hụi 100.000 đồng khui ngày 15/02/2018 âm lịch, hụi gồm 2.700 phần tổ chức thành 90 dây, mỗi dây có 30 phần, bà vô 20 phần, khi bà T vỡ hụi bà đóng được 9.000.000 đồng và có mua 20 phần dây hụi này là 45.000.000 đồng, dây hụi này bà T còn nợ bà 54.000.000 đồng. Hụi 100.000 đồng khui ngày 25/4/2018 hụi gồm 2490 phần, tổ chức thành 83 dây, mỗi dây 30 phần, mỗi tháng khui hai lần, bà vô 20 phần, ngày vỡ hụi bà đã đóng được 2.900.000 đồng và bà có mua 30 phần ở dây hụi này sô tiền là 67.500.000 đồng. Bà T còn nợ bà dây hụi này là 70.400.000 đồng. Ngày 09/7/2018 âm lịch bà T có viết giấy nhận nợ thừa nhận có nợ bà 578.500.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Bích T cùng chồng là Đặng Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 578.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trương Thị Bích T cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh H được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo việc xét xử vô tư, khách quan. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành tốt theo việc triệu tập của tòa án.Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Bích T cùng ông Đặng Thanh H liên đới trả cho bà Lê Thị M số tiền hụi là 578.500.000 đồng, bà M không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa bà Lê Thị M và bà Trương Thị Bích T có giao dịch về chơi hụi với nhau do bà T là chủ hụi, ông Đặng Thanh H là chồng của bà T, hiện tại còn hôn nhân hợp pháp với bà T, do bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trong quá trình chơi hụi nên bà M khởi kiện yêu cầu bà T cùng chồng có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà M nên đây là vụ án của tranh chấp

hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn là bà Lê Thị M với bị đơn bà Trương Thị Bích T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

Bị đơn bà Trương Thị Bích T người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa nên tòa giải quyết và xét xử vắng mặt bà T, ông H là phù hợp quy định.

[2]Về nội dung:

Nguyên đơn bà Lê Thị M yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Bích T cùng chồng là ông Đặng Thanh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 578.500.000 đồng, bà M không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ cho yêu cầu của nguyên đơn là tờ giấy tay xác nhận số tiền nợ hụi do bà T viết, nguyên đơn cung cấp cho tòa.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như quá trình xác minh và thu thập chứng cứ thì bà Trương Thị Bích T là chủ hụi ở địa phương, vào năm 2018 giữa bà Lê Thị M và bà Trương Thị Bích T có giao dịch chơi hụi và nhiều hụi viên khác nữa. Vào tháng 7 năm 2018 bà T bị bể hụi, sau khi bể hụi thì bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho những người chơi hụi. Đối với bà M, giữa bà T và bà có giao dịch hụi viên và chủ hụi, sau khi bể hụi thì bà T viết giấy tay xác nhận lại số tiền nợ hụi đối với bà M là 578.500.000 đồng.

Xét tờ giấy tay nợ hụi do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Tờ giấy tay này do chính bà T viết và ký. Qua kết quả trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký tại giấy thiếu tiền hụi ngày 09/7/2018 âm lịch thì xác định đúng là chữ viết và chữ ký của bà Trương Thị Bích T. Bà M cũng khởi kiện yêu cầu đúng số tiền theo tờ giấy nợ viết tay do bà T viết và ký là 578.500.000 đồng, bà M yêu cầu bà T cùng chồng liên đới trả cho bà số tiền hụi là 578.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét trách nhiệm liên đới của ông Đặng Thanh H với bà Trương Thị Bích T thấy rằng: quá trình giao dịch hụi do bà T làm chủ diễn ra lúc bà T và ông H còn hôn nhân hợp pháp, hiện tại bà T và ông H vẫn còn là vợ chồng, qua kết quả xác minh thì cho thấy bà T tham gia các giao dịch hụi vì mục đích kinh tế chung của gia đình, chứ bà không làm ăn riêng hay tách bạch kinh tế với chồng. Vì vậy, ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do tòa thu thập có đủ căn cứ để buộc bị đơn bà Trương Thị Bích T cùng chồng liên đới trả cho bà M số tiền hụi là 578.500.000 đồng vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà M không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện nên ghi nhận.

Về chi phí giám định trong vụ án với số tiền 900.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có trách nhiệm chịu số tiền

chi phí giám định này, bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà M số tiền này là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị Bích T cùng chồng là ông Đặng Thanh H có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định với số tiền là 27.140.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với bị đơn bà Trương Thị Bích T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh H về việc kiện đòi lại số tiền nợ hụi là 578.500.000 đồng.

Buộc bà Trương Thị Bích T cùng ông Đặng Thanh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị M số tiền nợ hụi 578.500.000 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trương Thị Bích T trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 900.000 (chín trăm ngàn)đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Bích T và ông Đặng Thanh H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 27.140.000 (hai mươi bảy triệu một trăm bốn mươi ngàn)đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T và ông H chưa thi hành xong số tiền trên thì bà T, ông H phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND tỉnh Bến Tre;

-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh